

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 25/6/2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thành

2. Bà Nguyễn Thị Tiếp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Bà Cao Thị Hồng – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2020, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị H- sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

Bị đơn: Anh Cao Thành C - sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị H trình bày: Chị và anh Cao Thành C kết hôn với nhau ngày 10/4/2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, từ năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2019. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn anh C

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung cháu Cao Thành H – sinh ngày 14/4/2012. Chị H có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản, công nợ: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Cao Thành C tại bản tự khai trình bày: anh và chị H kết hôn với nhau ngày 10/4/2012 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C. Trong cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Nay chị H làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Cao Thành H – sinh ngày 14/4/2012. Chị H có nguyện vọng được nuôi con anh nhất trí. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản, công nợ: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 56; 81; 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị H được ly hôn anh C.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Cao Thành H cho chị H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: chị H phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Trương Thị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Cao Thành C có hộ khẩu thường trú tại: Thôn C, xã C, huyện C, Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, được quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Chị H và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh C phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2019. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 51; điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung là cháu Cao Thành H – sinh ngày 14/4/2012. Chị H có nguyện vọng được nuôi con. Anh C cũng nhất trí giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Theo xác nhận của trường Tiểu học C, huyện C thì hiện nay cháu Cao Thành H đang học tại trường đảm bảo các điều kiện học tập, cháu H cũng có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ, nên giao con cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của con. Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS. Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trương Thị Hà. Xử cho chị Trương Thị H được ly hôn anh Cao Thành C.

Về con chung: Giao cháu Cao Thành H – Sinh ngày: 14/4/2012 cho chị H có trách nhiệm nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí DSST, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006239 ngày 19/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trương Thị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Cao Thành C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa
- Thi hành án DS huyện C
- UBND xã C
- Các cơ quan hữu quan
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Lê Thị Thanh